

Số: 127. /QĐ-STNMT

Điện Biên, ngày 27 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai quyết toán**  
**Ngân sách năm 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Thủ tướng Chính Phủ Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3334/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Quyết định số 1338/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2021; Quyết định số 160/QĐ-STNMT ngày 21/12/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2021;

Căn cứ Thông báo số 1515/TB-STC ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Sở Tài chính tỉnh Điện Biên về việc Thông báo thẩm định Quyết toán ngân sách năm 2021;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên. (Số liệu cụ thể như biểu chi tiết đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Sở, Trưởng các phòng thuộc Sở, Giám đốc các đơn vị: Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường, Văn phòng đăng ký đất đai, Trung tâm phát triển quỹ đất, Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Sở Tài chính (b/c);
- Lãnh đạo Sở TNMT;
- Lưu: VT, KHTC.

**GIÁM ĐỐC**



**Vũ Ngọc Vương**

### QUYẾT TOÁN THU- CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số: 127 /QĐ-STNMT ngày 27 /7 /2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Đơn vị: Văn phòng Sở		Đơn vị: Chi cục BVMT		Đơn vị: Chi cục QLDD		Đơn vị: Văn phòng ĐKDD		Đơn vị: Trung tâm PTQĐ		Đơn vị: Trung tâm KT TN&MT		Đơn vị: Trung tâm QT TN&MT	
		Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
A	Quyết toán thu	114,7	114,7	712,79	712,79	-	-	462,5	462,5	88,7	88,7	2.113,8	2.113,8	-	-
I	Tổng số thu	114,7	114,7	712,79	712,79	-	-	462,5	462,5	88,7	88,7	2.113,8	2.113,8	-	-
1	Số thu phí, lệ phí	90,3	90,3	712,79	712,79	-	-	198,49	198,49	-	-	-	-	-	-
1.1	Lệ phí	80,0	80,0	-	-	-	-	16,40	16,40	-	-	-	-	-	-
-	Lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản	80,0	80,0												
-	Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất							16,40	16,40						
-	Lệ phí thẩm định đánh giá trữ lượng K/S và lệ phí nước mặt														
1.2	Phí	10,30	10,30	712,8	712,8	-	-	182,1	182,09	-	-	-	-	-	-
-	Phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản	10,00	10,00												
-	Phí xả thải vào nguồn nước	0,30	0,30												
-	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường			367,6	367,6										
-	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải			345,2	345,2										
-	Phí cải tạo phục hồi môi trường														
-	Thu bản đồ chuyên đề														
-	Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất							165,0	165,0						
-	Phí đăng ký giao dịch đảm bảo							1,7	1,7						
-	Phí khai sử dụng tài liệu, dữ liệu tài nguyên và môi trường							8,0	8,0						



